

# ĐỀ MỞ VÀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN

**ThS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN**  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

## 1. Đặt vấn đề

Dự thảo Đề án đổi mới Chương trình (CT) và sách giáo khoa (SGK) giáo dục phổ thông sau 2015 nêu rõ một trong những quan điểm nổi bật là phát triển CT theo định hướng năng lực. CT đã xác định một số năng lực chung, cốt lõi, liên quan đến nhiều môn học mà mọi học sinh (HS) Việt Nam đều cần có để thích ứng với nhu cầu phát triển xã hội, bên cạnh đó có các năng lực chuyên biệt gắn với những lĩnh vực học tập cụ thể. Trong đó, năng lực giải quyết vấn đề (GQVĐ) được coi là một năng lực quan trọng, cần thiết để góp phần tạo nên những con người ngày càng chủ động, tự tin trong cuộc sống hiện đại. Năng lực này có thể được hình thành và phát triển qua nhiều môn học, trong đó có môn học Ngữ văn.

## 2. Quan niệm về năng lực GQVĐ và năng lực GQVĐ trong môn Ngữ văn

Trên thực tế, có nhiều quan niệm và định nghĩa khác nhau về năng lực GQVĐ. Tuy nhiên, các ý kiến và quan niệm đều thống nhất cho rằng GQVĐ là một NL chung, thể hiện khả năng của mỗi người trong việc nhận thức, khám phá được những tình huống có vấn đề trong học tập và cuộc sống mà không có định hướng trước về kết quả, và tìm các giải pháp để giải quyết những vấn đề đặt ra trong tình huống đó, qua đó thể hiện khả năng tư duy, hợp tác trong việc lựa chọn và quyết định giải pháp tối ưu.

Năng lực GQVĐ bao gồm việc nhận biết được mâu thuẫn giữa tình huống thực tế với hiểu biết của cá nhân và chuyển hóa được mâu thuẫn thành vấn đề đòi hỏi sự tìm tòi, khám phá; thể hiện khả năng của cá nhân trong quá trình thu thập và xử lý thông tin từ các nguồn khác nhau, đề xuất phương án và thực hiện phương án đã chọn, điều chỉnh trong quá trình, đánh giá hiệu quả của phương án và đề xuất vận dụng trong các tình huống mới tương tự. Quá trình đó được thực hiện bằng sự hứng thú tìm tòi, khám phá cái mới, tinh thần trách nhiệm của cá nhân và sự phối hợp, tương tác giữa các cá nhân. Đó chính là sự vận dụng tổng hợp của kiến thức, kĩ năng, thái độ, tính sẵn sàng, ... thể hiện qua các hoạt động cụ thể. Trong dạy học, tình huống có vấn đề được hiểu theo những phạm vi khác nhau. Có thể là tình

huống "tĩnh" (tình huống giả định trong học tập) hoặc tình huống "động" (tình huống được nhận thức trong thực tiễn); có thể là một vấn đề cụ thể trong một bài học, hoặc vấn đề lớn bao quát một chủ đề học tập. Quy trình GQVĐ nhìn chung được thực hiện qua các bước cơ bản sau:

- + Nhận thức về vấn đề: chuyển vấn đề trong tình huống thực tế thành vấn đề đòi hỏi khám phá, giải quyết;
- + Xây dựng không gian vấn đề, từ đó đưa ra các phương án GQVĐ;
- + Lập kế hoạch và thực hiện;
- + Đánh giá việc thực hiện.

Do năng lực GQVĐ cũng được hình thành và phát triển trong cả một giai đoạn học tập như các năng lực khác, nên khi đánh giá năng lực GQVĐ cần quan tâm đến đánh giá trong cả quá trình dạy học. Tuy nhiên, bản thân khái niệm năng lực mang ý nghĩa trừu tượng, không trực tiếp đo lường và đánh giá được, cần được thao tác hoá thành các thành tố, tiêu chí, chỉ số, gắn với các nội dung học tập. Từ các yếu tố, thành phần, nội dung cụ thể của NL GQVĐ theo các bước trên đây, có thể xác định các tiêu chí mô tả các mức độ thực hiện của người học thông qua những gì HS thể hiện qua nói, viết, làm, tạo ra, có thể quan sát được và xây dựng được công cụ để đánh giá. Chẳng hạn, mức độ đạt được của HS trong việc nhận thức, khám phá tình huống có vấn đề có thể được mô tả như trong bảng 1 (Xem bảng 1).

Với môn học Ngữ văn, mặc dù năng lực GQVĐ không phải là năng lực đặc thù của môn học, song năng lực này cũng cần được hướng đến khi triển khai các nội dung dạy học của bộ môn, do tính ứng dụng thực tiễn và quy trình hình thành năng lực có thể gắn với các bối cảnh học tập (tiếp nhận và tạo lập văn bản) của môn học, khi nảy sinh những tình huống có vấn đề. Với một số nội dung dạy học trong môn Ngữ văn như: xây dựng kế hoạch cho một hoạt động tập thể, tiếp nhận một thể loại văn học mới, viết một kiểu loại văn bản, lí giải các hiện tượng đời sống được thể hiện qua văn bản, thể hiện quan điểm của cá nhân khi đánh giá các hiện tượng văn học, ... quá trình học tập các nội dung trên là quá trình giải quyết vấn đề theo quy trình đã xác định. Như vậy, trong dạy học các môn học cũng như

*Bảng 1: Các mức độ đạt được của HS trong việc nhận thức, khám phá tình huống có vấn đề*

<b>Năng lực giải quyết vấn đề</b>			
<b>Thành phần NL</b>	<b>Mức 1 (hình thành)</b>	<b>Mức 2 (cơ bản)</b>	<b>Mức 3 (thành thạo)</b>
Phát hiện vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số thông tin về tình huống có vấn đề.</li> <li>- Nhận diện mâu thuẫn giữa tình huống thực tế với hiểu biết của cá nhân.</li> <li>- Đặt ra được những câu hỏi để nêu ra vấn đề cần giải quyết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lí giải được những thông tin để phát hiện tình huống có vấn đề.</li> <li>- Lí giải được mâu thuẫn giữa tình huống thực tế với hiểu biết của cá nhân.</li> <li>- Đặt câu hỏi và tự lí giải để chuyển hóa được mâu thuẫn thành vấn đề đòi hỏi sự tìm tòi, khám phá.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, tổng hợp được những thông tin để phát hiện tình huống có vấn đề.</li> <li>- Phân tích, lí giải được mâu thuẫn giữa tình huống thực tế với hiểu biết và nhu cầu của cá nhân.</li> <li>- Đặt câu hỏi và phân tích, lí giải được bản chất của vấn đề và những yêu cầu quan trọng đòi hỏi sự tìm tòi, khám phá.</li> </ul>

dạy học Ngữ văn, quá trình thực hiện một nội dung học tập nhằm hình thành đồng thời nhiều năng lực, trong đó có những năng lực đặc thù và những năng lực chung, bởi thế cần vận dụng một cách hợp lý phương pháp và quy trình dạy học giúp HS thể hiện được các năng lực của cá nhân trong từng nội dung học tập.

**3. Để mở và đánh giá năng lực GQVĐ trong môn Ngữ văn**

Để văn mở là một trong những công cụ đánh giá năng lực GQVĐ của môn Ngữ văn một cách hiệu quả. Có thể hiểu để mở là loại đề văn mà nội dung chỉ nêu ra vấn đề cần bàn luận trong bài nghị luận hoặc chỉ nêu đề tài để viết văn bản tự sự, miêu tả..., không nêu mệnh lệnh cụ thể về thao tác lập luận như "hãy chứng minh, hãy giải thích, hãy phân tích..." hoặc về phương thức biểu đạt như "hãy kể, hãy tả, hãy phát biểu cảm nghĩ...". Cũng có dạng đề mở theo hướng nêu ra một gợi ý dẫn, HS sẽ tiếp tục phát triển theo các mạch cảm nhận và suy nghĩ riêng của mỗi cá nhân. Để mở khác với loại đề theo truyền thống, thường có đầy đủ các yếu tố, từ lời dẫn đến yêu cầu về nội dung, thao tác cụ thể (trước đây gọi là kiểu bài), nguồn tư liệu cần huy động. Để mở còn có thể được thể hiện ở những câu hỏi mở, những câu hỏi có thể chấp nhận nhiều cách trả lời, thậm chí có những câu trả lời đối nghịch nhau miễn là HS bộc lộ được nhận thức và lập luận logic trong quá trình đi đến câu trả lời. Để mở yêu cầu HS phải phát huy năng lực cá nhân trong việc xác định nội dung/vấn đề, huy động nguồn tư liệu để xác định các phương án triển khai và thực hiện giải pháp. Quá trình thực hiện một đề mở chính là quá trình nhận thức và giải quyết một vấn đề.

Để mở có thể là một công cụ để đánh giá năng lực của cá nhân HS khi giải quyết vấn đề một cách độc lập, hoặc là một nhiệm vụ để đánh giá năng lực của cá nhân HS khi tham gia giải quyết vấn đề trong làm việc hợp tác nhóm. Dưới đây là một số ví dụ về đề mở và việc vận dụng tiêu chí đã nêu trên để đánh giá năng lực GQVĐ.

**Ví dụ minh họa 1:** Thói đối trá là biểu hiện của sự suy thoái về đạo đức trong đời sống xã hội.

Viết một bài văn ngắn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

(Trích đề thi tốt nghiệp THPT, Môn Ngữ văn, năm 2012)

Có thể xác định tiêu chí đánh giá năng lực GQVĐ của HS trong việc thực hiện đề bài trên qua bảng 2 dưới đây (Xem bảng 1).

**Ví dụ minh họa 2:** (dành cho HS lớp 5)

Dựa vào bức tranh sau, nhóm em hãy kể một câu chuyện. Trình bày câu chuyện đó trước lớp?



(Nguồn: www.gaubonggiasi.com)

Để đánh giá được năng lực GQVĐ, trong mỗi bước của quy trình GQVĐ cần đưa ra được các bằng chứng có thể quan sát được, giúp thu thập được các thông tin cần thiết cho các mức độ thực hiện của người học. Cụ thể, trong nội dung dạy học tạo lập văn bản nghị luận nêu trên, với bước khám phá và tìm hiểu, có thể thông qua việc đọc và phân tích một văn bản nghị luận để xem xét khả năng nắm bắt các đặc điểm của kiểu loại văn bản nghị luận. Với bước biểu đạt và hình thành, có thể thông qua hoạt động thực hành, đưa ra một số tình huống để HS nhận diện vấn đề được đề cập đến trong cuộc sống xã hội hoặc trong tác phẩm văn

Bảng 2: Tiêu chí đánh giá năng lực GQVĐ của HS trong việc thực hiện đề bài ở ví dụ 1

Kĩ năng thành phần	Mức 1 (hình thành)	Mức 2 (cơ bản)	Mức 3 (thành thạo)
Nhận thức về vấn đề	- Nêu được thế nào là thói đối trá và suy thoái đạo đức nhưng chưa khái quát được vấn đề cần nghị luận.	- Trình bày được về thói đối trá và suy thoái đạo đức, khái quát được ý nghĩa của vấn đề đặt ra ở đề bài.	- Trình bày được về thói đối trá và suy thoái đạo đức, khái quát và đánh giá được ý nghĩa của vấn đề đặt ra ở đề bài.
Xây dựng không gian vấn đề	Xác định được một số thông tin có liên quan đến thói đối trá nhưng ở mức kinh nghiệm bản thân. Đưa ra được một vài biểu hiện và tác hại của thói đối trá.	Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin có liên quan đến thói đối trá ở trong các lĩnh vực đời sống. Đưa ra được một số biểu hiện và tác hại của thói đối trá nhưng chưa đầy đủ.	Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin có liên quan đến thói đối trá ở trong các lĩnh vực đời sống. Đưa ra được một số biểu hiện và tác hại của thói đối trá và cách giải quyết vấn đề trong cuộc sống.
Thực hiện giải pháp	Trình bày được suy nghĩ và các thông tin có liên quan đến thói đối trá ở các phương diện: biểu hiện, tác hại, tác động xã hội nhưng chưa rõ ràng, lí lẽ và dẫn chứng còn sơ sài, diễn đạt chưa trong sáng.	Trình bày được suy nghĩ và huy động các thông tin có liên quan đến thói đối trá ở các phương diện: biểu hiện, tác hại, tác động xã hội; nêu được các lí lẽ và dẫn chứng, mắc ít lỗi dung từ, chính tả.	Trình bày được suy nghĩ và huy động các thông tin có liên quan đến thói đối trá ở các lĩnh vực của đời sống; có những kiến giải sâu sắc, độc đáo; diễn đạt rõ ràng, có sức thuyết phục cao.
Đánh giá và điều chỉnh	Chưa xem xét, điều chỉnh nội dung và hình thức của bài viết	Có một số điều chỉnh về nội dung và hình thức của bài viết	Có sự rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện bài viết.

Bảng 3: Tiêu chí đánh giá năng lực GQVĐ của cá nhân trong nhóm

Các kĩ năng thành phần	Mức chất lượng 1	Mức chất lượng 2	Mức chất lượng 3
1. Nhận thức về vấn đề	- Chưa nêu được ý kiến trong việc xây dựng tình huống có các nhân vật và hành động được thể hiện trong tranh.	- Nêu 1 vài ý kiến trong việc xây dựng tình huống có các nhân vật và hành động được thể hiện trong tranh.	- Nêu và lí giải được ý kiến trong việc xây dựng tình huống có các nhân vật và hành động được thể hiện trong tranh.
2. Xây dựng không gian vấn đề	- Chưa đề xuất được thông tin chi tiết liên quan đến tình huống, nhân vật và hoạt động được thể hiện trong tranh - Chưa nêu được ý kiến cùng trao đổi, tranh luận để đi đến thống nhất trong lựa chọn các thông tin liên quan - Chưa thực hiện nhiệm vụ do nhóm phân công.	- Nêu được 1 thông tin chi tiết liên quan đến tình huống, nhân vật và hoạt động được thể hiện trong tranh. - Nêu được 1 ý kiến cùng trao đổi, tranh luận để đi đến thống nhất - Thực hiện nhưng chưa đầy đủ nhiệm vụ do nhóm phân công.	- Nêu được rõ một số thông tin chi tiết liên quan đến tình huống, nhân vật và hoạt động được thể hiện trong tranh. - Tham gia tích cực vào việc trao đổi, thống nhất ý kiến. - Thực hiện đủ nhiệm vụ do nhóm phân công.
3. Lập kế hoạch và thực hiện	- Trình bày được một số sự việc của câu chuyện nhưng chưa đầy đủ, chưa thể hiện được câu chuyện phù hợp với tình huống, nhân vật và hành động được thể hiện trong tranh; cách trình bày chưa hấp dẫn, thuyết phục	- Trình bày tương đối đầy đủ nội dung / tình tiết / diễn biến... của câu chuyện phù hợp với tình huống, nhân vật và hành động được thể hiện trong tranh; cách trình bày khá rõ ràng, trôi chảy.	- Trình bày được những sự việc, chi tiết tiêu biểu, phù hợp với nội dung / tình tiết / diễn biến... của câu chuyện phù hợp với tình huống, nhân vật và hành động được thể hiện trong tranh; cách trình bày lưu loát, hấp dẫn, thuyết phục.
4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ	- Chưa nêu được ý kiến nhận xét, cách điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện câu chuyện.	- Nêu được 1 vài ý kiến nhận xét, điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện câu chuyện	- Nêu và lí giải được một số ý kiến nhận xét đúng về điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện câu chuyện.

học, xác định những kiến thức cần huy động có liên quan đến vấn đề cần giải quyết. Với bước lập kế hoạch và thực hiện, HS sẽ được viết các bài nghị luận xã hội hoặc nghị luận văn học, theo các yêu cầu đặt ra trong đề bài; GV có thể yêu cầu HS viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh, hoặc có thể yêu cầu HS lập dàn ý cho đề văn và phát triển một ý thành một đoạn văn. Với bước theo dõi và rà soát, HS được cung cấp các tiêu chí cụ thể để có thể tự nhận xét, đánh giá bài viết của mình, qua đó tự hoàn thiện bài viết và rút ra được những kinh nghiệm cho bản thân để viết các văn bản khác được tốt hơn.

#### 4. Kết luận

Với định hướng hình thành và phát triển năng lực người học, bên cạnh việc xác định và triển khai các năng lực đặc thù của môn học thì việc thể hiện được các năng lực chung trong từng môn học cũng là một yêu cầu cần thiết. Để thực hiện yêu cầu này, cần thống nhất quan niệm về từng năng lực, xác định các thành tố của năng lực, mức độ đạt được của năng lực này theo cấp/lớp; từ đó xác định được năng lực chung thể hiện như thế nào trong môn học, những cơ hội nào có thể tích hợp phát triển năng lực chung trong chương trình môn học. Môn Ngữ văn được coi là môn học công cụ nên có thể tích hợp phát triển nhiều năng lực chung, trong đó có năng lực GQVĐ. Việc vận dụng quy trình dạy học và đánh giá năng lực GQVĐ trong môn học Ngữ văn vừa góp phần cụ thể hoá mục tiêu phát triển năng lực trong chương trình môn học, vừa góp phần thực hiện tốt nhất mục tiêu dạy học Ngữ văn. Trong đó, để mở có thể coi là một công cụ tốt để góp phần đánh giá năng lực GQVĐ của HS.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. PISA, (2003), *Chương trình đánh giá kiến thức và kĩ*

*năng tính toán, đọc hiểu, khoa học và giải quyết vấn đề.*

[2]. Reef, (1999), *Đánh giá năng lực GQVĐ*, Viện Nghiên cứu Giáo dục dành cho người lớn của Đức.

[3]. *Các kĩ năng học tập* - Trung tâm đánh giá chất lượng giáo dục, Trường ĐHSP TP.Hồ Chí Minh tổng thuật từ nguồn tài liệu của OECD, tháng 10/2010.

[4]. Nguyễn Thị Hồng Vân, *Đề mở và yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 97, năm 2013, tr.12.

#### SUMMARY

*Draft of 'Project on renewing curriculum and textbooks at general education level after 2015' clearly states that one of the striking point is developing curriculum towards competency. The paper addresses the assessment of problem-solving competence in Vietnamese Language teaching. The author presents: 1/ Concept of problem-solving competence in Vietnamese Language teaching; 2/ Open test and assessment of problem-solving competence in Vietnamese Language. According to the author, Vietnamese Language was considered as a tool subject, be able to integrate in order to develop general competences, including problem-solving competence. Manipulating teaching process and assessing problem-solving competence in Vietnamese Language will contribute to concretizing competence development objective in the curriculum, and get the best teaching in this subject as well. Multi-choice test is considered as a good tool to evaluate students' problem-solving competence.*

**Keywords:** Multi-choice test, competence, competence evaluation, problem-solving competence, solve problem.